

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS- ST
Ngày 20-01-2021
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đới Văn Trinh và ông Hg Văn Mùi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2020/TLST - DS ngày 07-10-2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu dân cư BD – TT, phường CH, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Chị Bùi Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu dân cư MS, phường CM, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu dân cư BD – TT, phường CH, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người được ủy quyền: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu dân cư BD – TT, phường CH, thành phố C, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị T là chị em quen biết và chơi cùng với nhau. Do cần tiền sử dụng nên chị T có hỏi vay tiền, anh H đồng ý. Ngày 07-5-2019

anh H trực tiếp giao số tiền 125 triệu đồng cho chị T vay, việc giao nhận tiền chỉ có anh H và chị T. Sau khi nhận tiền xong chị T có tự mình viết vào giấy biên nhận và cam kết vay tiền theo mẫu do anh H chuẩn bị sẵn và ký, điểm chỉ vào cột người nhận vay tiền. Giấy biên nhận chỉ lập 01 bản do anh giữ có nội dung: số tiền vay 125.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 07-05-2019 đến 07-8-2019, mục đích vay tiền tiêu dùng và cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích, trả gốc lãi đúng thời hạn. Lãi suất hai bên thỏa thuận với nhau không ghi vào giấy vay tiền, mỗi tháng chị T sẽ trả cho anh H tiền lãi 0,95% bằng lãi suất ngân hàng tại thời điểm, chị T trình bày lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày là không đúng thực tế thỏa thuận hai bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ khi vay chị T không trả tiền lãi cho anh được tháng nào, khi đến hạn trả tiền gốc cũng không thanh toán. Số tiền anh H cho chị T vay trên là tài sản chung của vợ chồng anh. Mặc dù trong giấy biên nhận vay tiền chị T có ghi tên chồng là Trần Đức Th, nhưng thực tế việc vay tiền chỉ có chị T hỏi vay, chị T nhận tiền và ký giấy biên nhận. Nay anh yêu cầu tòa án buộc chị Bùi Thị T phải trả số tiền là 125.000.000đ tiền vay gốc, anh tự nguyện không yêu cầu trả lãi suất.

Chị Nguyễn Thị Lan A trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn H. Năm 2019 anh H có cho chị Bùi Thị T vay số tiền 125 triệu đồng. Việc giao dịch và cho vay chị không biết sau này chị chỉ nghe anh H kể lại. Số tiền anh H cho chị T vay là tài sản chung của vợ chồng anh chị. Nay chị T không trả tiền theo thỏa thuận, anh H khởi kiện chị nhất trí. Do chị bận công việc nên chị ủy quyền toàn bộ cho anh H tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn trình bày:

Chị Bùi Thị T thừa nhận có vay số tiền 125.000.000đ của vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Lan A để lấy vốn mở quán bán chè. Chị tự viết vào mẫu giấy biên nhận và cam kết vay tiền do anh H chuẩn bị sẵn vào ngày 07-5-2019. Nội dung trong giấy vay đúng như anh H đã trình bày. Trong giấy vay không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 4.000đ/triệu/ngày. Điền xong mẫu giấy vay chị có ký và điểm chỉ vào cột người nhận vay tiền. Do anh H yêu cầu nên trong giấy vay chị có ghi cả tên chồng là Trần Đức Th nhưng chị xác định khoản vay trên chị sử dụng riêng, không dùng sử dụng chung việc gia đình và việc vay tiền anh H chị cũng không cho anh Th biết. Trong quá trình vay tiền do việc kinh doanh thua lỗ nên hàng tháng chị không trả được tiền lãi và đến hạn chị cũng không trả được tiền vay gốc. Nay anh H khởi kiện chị nhất trí trả số tiền gốc còn nợ là 125.000.000đ nhưng do khó khăn về kinh tế nên đề nghị được trả dần mỗi năm trả 20.000.000đ.

Anh Trần Đức Th trình bày: Việc vay tiền giữa chị T và anh H, anh không biết và không liên quan đến số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Bùi Thị T nhưng chị T vắng mặt và cũng không có ý kiến.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia

tổ tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự ; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H: Buộc chị Bùi Thị T có nghĩa vụ trả nợ anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Lan A số tiền 125.000.000đ tiền nợ gốc. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 6.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có hộ khẩu tại khu dân cư MS, phường CM, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý vụ án để giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Giấy biên nhận vay tiền ngày 07-5-2019 có thời hạn vay, số tiền vay, lãi suất mặc dù không ghi trong giấy vay nhưng các bên đương sự đều xác định có thỏa thuận lãi suất vì vậy xác định đây là vụ án có quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi.

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H thì thấy rằng: Theo giấy biên nhận vay tiền ngày 07-5-2019 chị Bùi Thị T vay của anh Nguyễn Văn H số tiền 125.000.000đ tiền gốc, thời hạn trả vào ngày 07-8-2019. Chị T xác định tự mình viết, ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền và có vay của anh H số tiền 125.000.000đ. Như vậy xác định việc chị T vay tiền của anh H là có thật. Đến hạn trả gốc theo thỏa thuận chị T xác nhận do khó khăn chưa thanh toán mặc dù anh H đã yêu cầu trả nhiều lần. Nay đề nghị được trả dần mỗi năm 20 triệu đồng. Như vậy xác định chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Chị Bùi Thị T vay tiền của anh Nguyễn Văn H mục đích tiêu dùng cá nhân, chồng chị T là anh Th không biết và không được sử dụng số tiền do chị T vay. Chị T xác nhận sẽ có trách nhiệm trả anh H, anh H không yêu cầu anh Th phải liên đới trả số nợ trên nên Hội đồng xét xử xác định anh Th không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khoản vay nợ của chị T.

Về lãi suất: Anh Nguyễn Văn H tự nguyện không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H được chấp nhận nên chị Bùi Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả anh Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc chị Bùi Thị T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Lan A số tiền gốc vay còn nợ là 125.000.000đ (*một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn*).

Về lãi suất: Không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 6.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm. H trả anh Nguyễn Văn H số tiền 3.600.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006630 ngày 07-10-2020 của Chi cục -thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THA dân sự TP. Chí Linh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng

